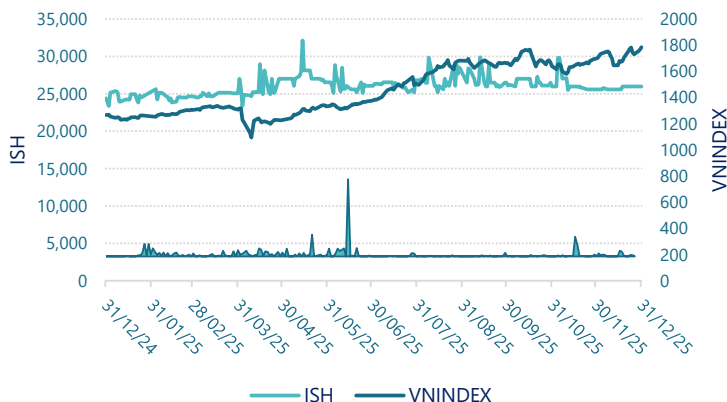




CTCP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (UPCOM: ISH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	26,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,130
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,375
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,690
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,170
P/E	13.9
EPS	1,872

DT thuần

Q4/25

71.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.30| -4.4%

YoY: ▲ 11.4| 19.0%

LN sau thuế

Q4/25

26.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.00| -25.1%

YoY: ▲ 3.70| 16.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

48.7%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

2025

218

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.0| 9.9%

LN sau thuế

2025

84.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.00| 10.6%

ROE

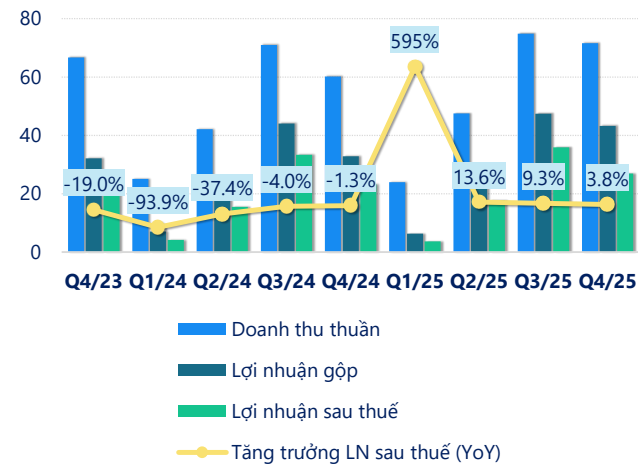
2025

14.2%

+/- YoY: ▲ 1.6%

tỷ VNĐ

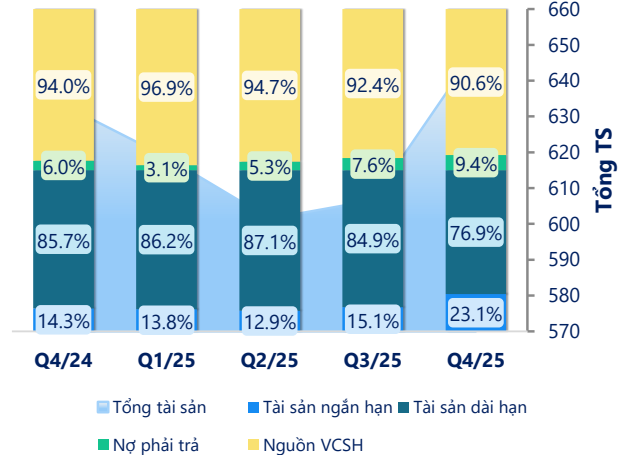
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

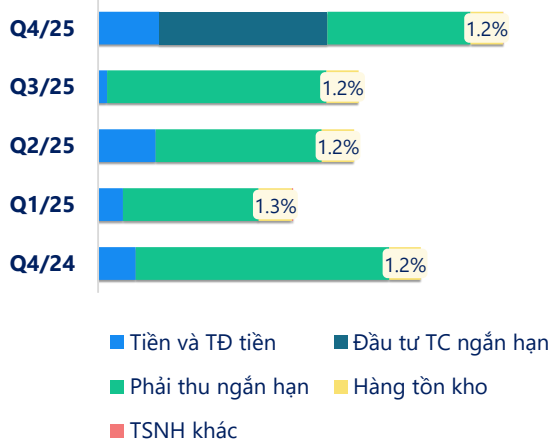
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



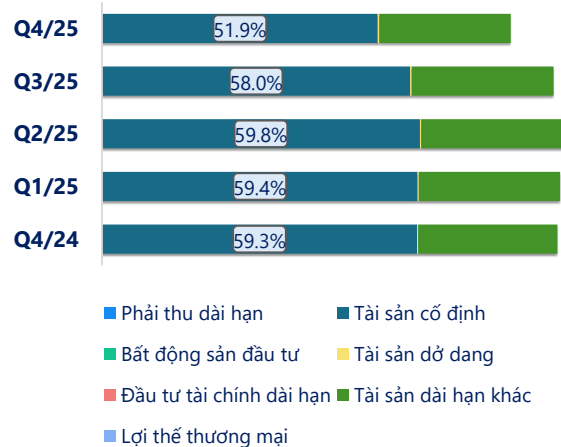
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

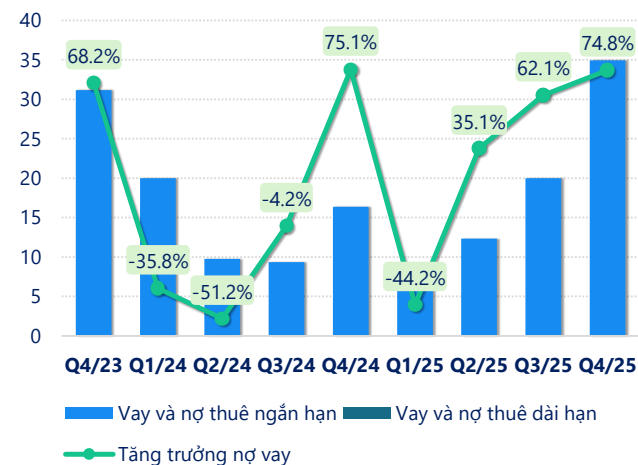
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

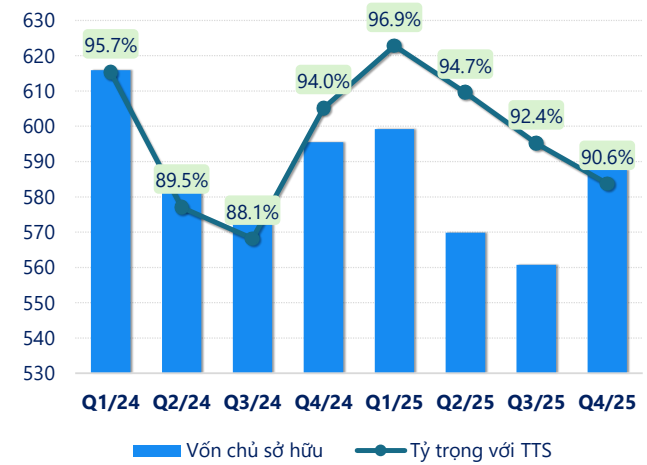
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



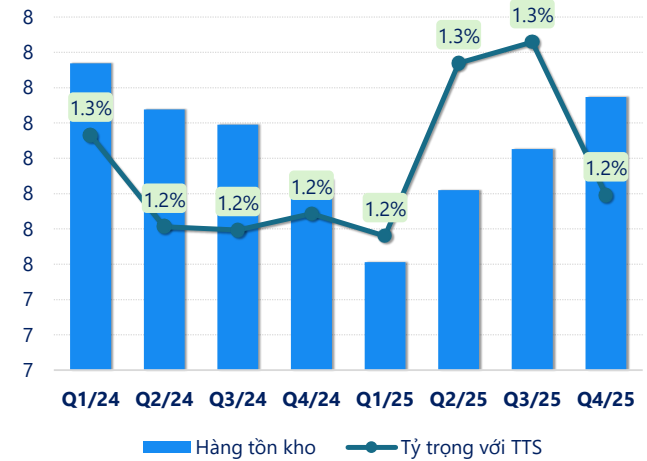
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

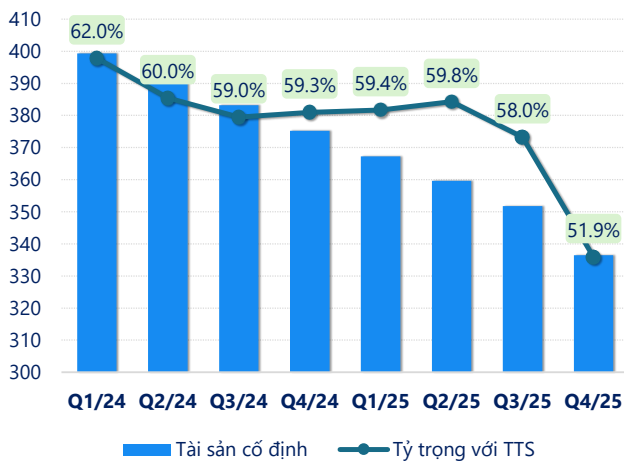

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


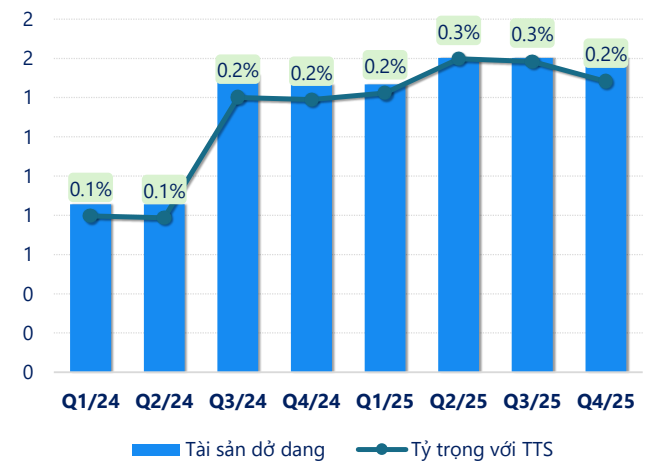
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

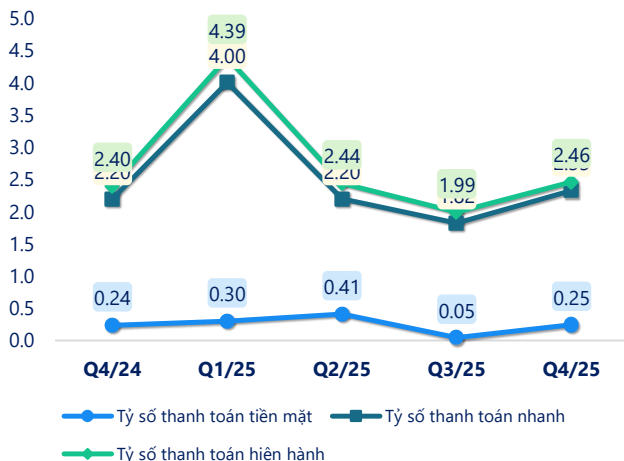
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

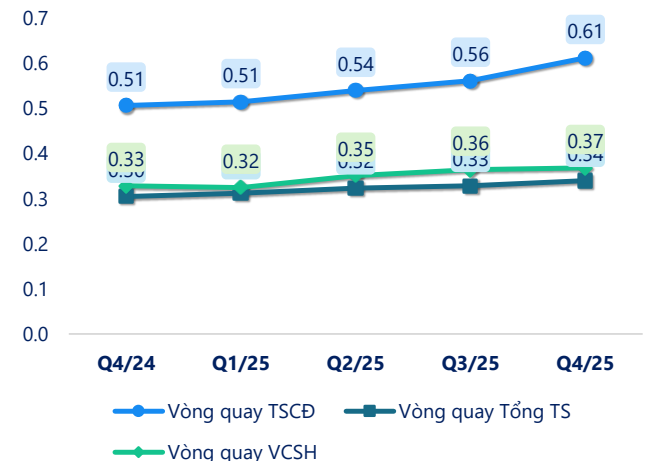
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	633	619	601	607	649
Tài sản ngắn hạn	90.8	85.5	77.3	91.5	150
Tiền và tương đương tiền	8.95	5.80	13.0	2.07	15.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.0	53.5	15.5	29.3	80.5
Phải thu ngắn hạn	34.1	18.5	41.1	52.2	46.5
Hàng tồn kho	7.74	7.51	7.71	7.83	7.97
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.25	0.06	0.12	0.18
Tài sản dài hạn	542	533	524	515	498
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	375	367	360	352	336
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.47	1.47	1.60	1.60	1.60
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	166	164	163	162	160
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	37.8	19.5	31.7	45.9	61.0
Nợ ngắn hạn	37.8	19.5	31.7	45.9	61.0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.4	9.13	12.3	20.0	35.0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.16	0.32	0.29	0.08	0.21
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	595	599	570	561	588
Vốn chủ sở hữu	595	599	570	561	588
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)